

Nguyễn Phi Long

Chuyên viên phân tích

Long.nguyenphi@mbs.com.vn

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Kinh tế Việt Nam

- **GDP Q3 của Việt Nam tăng trưởng tích cực 7,31% trong bối cảnh kinh tế thế giới suy yếu.**
- **Xuất khẩu 9 tháng đầu năm tăng trưởng 8,2% so với cùng kỳ, đạt 194,3 tỷ USD.**
- **Với 70% dòng vốn FDI chảy vào lĩnh vực sản xuất, năng lực sản xuất của Việt Nam đang được cải thiện nhanh chóng, tăng trưởng 11,4% yoy trong 9 tháng 2019.**
- **Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam trong tháng 09 tiếp tục giảm xuống mức 50.5 điểm – mức thấp nhất kể từ tháng 02/2016 do nhu cầu suy yếu trên thị trường quốc tế.**
- **FDI đăng ký trong 9T đạt 26,2 tỷ USD (+3,1% so với cùng kỳ), FDI giải ngân đạt 14,2 tỷ USD (+7,3% yoy).**
- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng trưởng 11,6% trong 9T, đạt 156,7 tỷ USD.**
- **NSNN thặng dư 66.500 tỷ đồng trong 09 tháng đầu năm, thu NSNN đạt 1.028 nghìn tỷ đồng, bằng 72,9% dự toán năm.**
- **CPI tháng 09 tăng 0,32% so với tháng trước do dịch vụ giáo dục tăng 3,53% khi năm học mới bắt đầu.**
- **Tỷ giá VND/USD liên ngân hàng tiếp tục giao dịch ổn định quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD dù thị trường thế giới biến động mạnh.**

Hoạt động kinh tế

GDP quý 3 của Việt Nam tăng trưởng tích cực 7,31% trong bối cảnh thế giới suy yếu

Vượt qua mọi kỳ vọng, GDP Việt Nam tăng trưởng 7,31% so với cùng kỳ dù triển vọng kinh tế thế giới kém lạc quan và trước những khó khăn ngành nông nghiệp trong nước phải đối mặt. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đóng góp 16,5% cho GDP, tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của sự tăng trưởng GDP vượt kỳ vọng, đạt 28,7 tỷ USD, tăng trưởng 11,4% yoy trong 9T 2019. Tăng trưởng của ngành công nghiệp sản xuất được thúc đẩy bởi dòng vốn FDI vào Việt Nam (trong đó, dòng vốn vào lĩnh vực chế biến chế tạo chiếm 70% tổng số vốn FDI đăng ký), dẫn dắt bởi dòng vốn từ Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan do các nhà sản xuất quốc tế tiếp tục tìm đến các nước sản xuất thay thế Trung Quốc để tránh thuế quan do căng thẳng thương mại Mỹ-Trung gây ra. Các dự án đầu tư vốn FDI lớn trong năm nay có thể điểm tên như dự án nhà máy Meiko chuyên thiết kế, lắp ráp và sản xuất linh kiện điện tử (200 triệu USD), nhà máy 260 triệu USD của Goertek sản xuất các thiết bị truyền thông đa phương tiện và thiết bị điện tử, dự án 280 triệu USD sản xuất lốp xe Radian, vv...

Ngành dịch vụ tăng trưởng 6,85% cũng là một nhân tố đóng góp cho tăng trưởng GDP quý 3. Trong ngành dịch vụ, lĩnh vực bán buôn và bán lẻ mở rộng 8,31% so với cùng kỳ, đứng thứ 2 trong tỷ trọng GDP, chiếm 11%. Tăng trưởng trong lĩnh vực bán lẻ được thúc đẩy nhờ cơ cấu dân số trẻ với thu nhập đang gia tăng và thói quen chi tiêu hiện đại. Nền kinh tế tăng trưởng khiến nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính gia tăng, ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng trưởng 8,19%. Ngành dịch vụ ăn uống và lưu trú tăng 6,15%, chiếm 4,2% GDP.

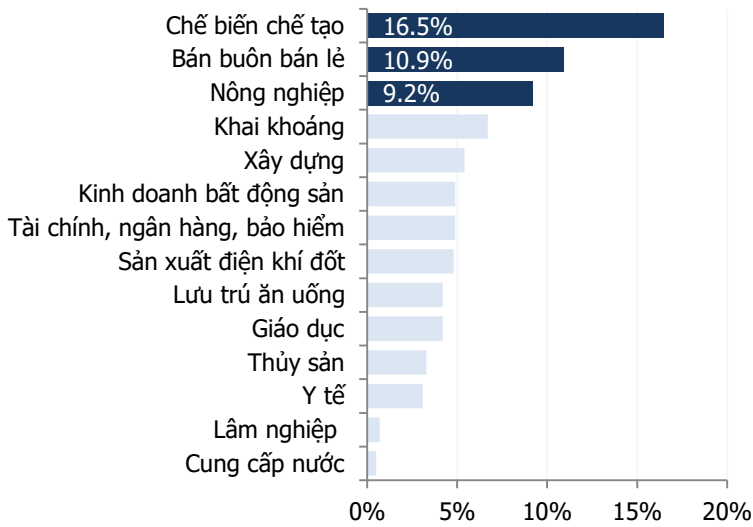
Đối lập với sự tăng trưởng tích cực của ngành công nghiệp và dịch vụ, ngành nông nghiệp trải qua những thách thức lớn từ đầu năm tới nay: 1) Hạn hán nghiêm trọng và sự bùng phát của dịch tả lợn châu Phi tác động tiêu cực đến ngành; 2) Giá gạo xuất khẩu giảm trên 17% từ tháng 01 tới nay do nhu cầu suy yếu. Kết quả là, ngành nông nghiệp chỉ tăng 0,74% trong 9 tháng, đây là tốc độ tăng trưởng thấp thứ 2 của ngành trong 8 năm (chỉ cao hơn mức 0,02% của năm 2016).

Hoạt động thương mại

Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng 2019 đạt 194.3 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ

Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục mở rộng trong 8 tháng đầu năm 2019, ước tính đạt 194,3 tỷ USD, +8,2% so với cùng kỳ. Đóng góp cho mức tăng trưởng này là lĩnh vực xuất khẩu điện thoại và linh kiện, chiếm 1/5 tổng kim ngạch, ước tính đạt 38,6 tỷ USD (+5,1% yoy) trong 9 tháng đầu năm. Các mặt hàng khác đóng góp cho sự tăng trưởng tích cực của hoạt động xuất khẩu bao gồm: máy tính, điện tử và linh kiện đạt 25,4 tỷ USD (+16,9% yoy), hàng dệt may đạt 24,8 tỷ USD (+10,4% yoy), xuất khẩu giày dép đạt 13,3 tỷ USD (+13,5% yoy), gỗ và các sản phẩm gỗ đạt 7,5 tỷ USD (+17% yoy). Trong khi đó, giá trị xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đều suy giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do sự giảm giá của các mặt hàng này trên thị trường quốc tế: xuất khẩu hạt điều giảm 6% so với cùng kỳ đạt 2,4 tỷ USD, gạo đạt 2,2 tỷ USD (-9,7% yoy), xuất khẩu cà phê giảm 20,7% so với năm 2018, đạt 2,2 tỷ USD.

Hình 1. Tỷ trọng các ngành % GDP



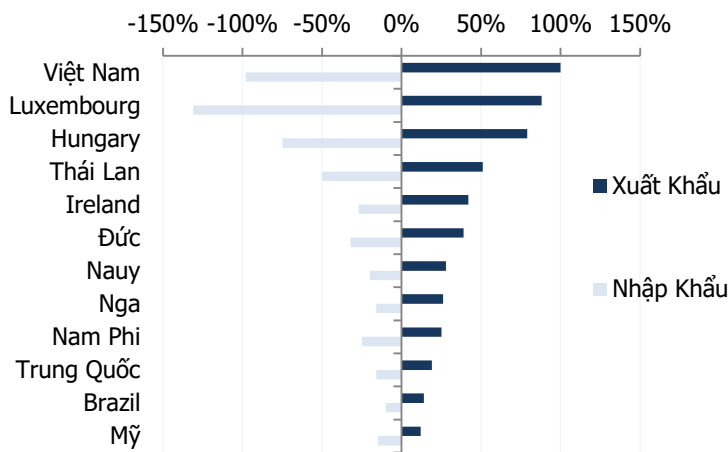
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu (USD/tấn)



9T 2019, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt 44,9 tỷ USD (+28,2% so với cùng kỳ), đứng thứ 2 là thị trường EU với 31,1 tỷ USD (-0,7% yoy) tiếp đến là thị trường Trung Quốc đạt 27,8 tỷ USD (chiếm 14,3% tổng kim ngạch xuất khẩu).

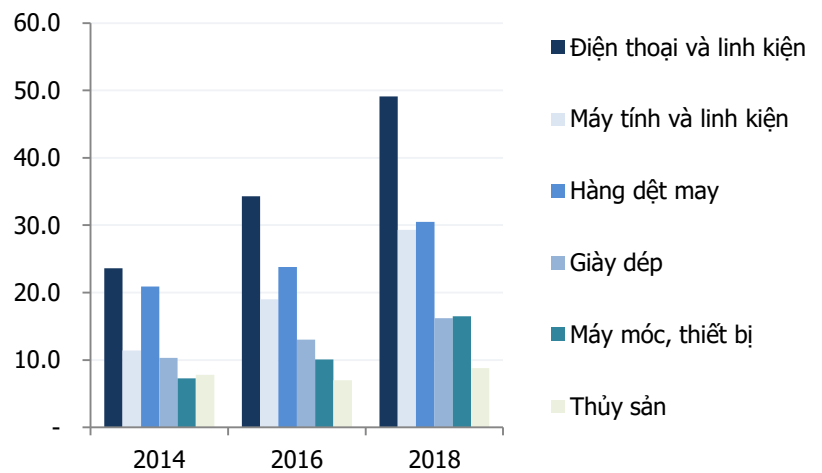
Kim ngạch nhập khẩu 9 tháng 2019 ước tính đạt 188,4 tỷ USD, tăng trưởng 8,9% so với cùng kỳ, trong đó các sản phẩm nhập khẩu chính bao gồm: máy tính, điện tử và linh kiện đạt 38,6 tỷ USD (+23% yoy), chiếm tỷ trọng 20,5% tổng kim ngạch nhập khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị đạt 27,1 tỷ USD (+13,1% yoy), vải đạt 9,7 tỷ USD (+3,2%), điện thoại và linh kiện đạt 10,7 tỷ USD (-2,9% yoy), nhập khẩu sắt thép đạt 7,3 tỷ USD (-3,3%).

Hình 3. Tỷ trọng xuất/nhập khẩu (%GDP)



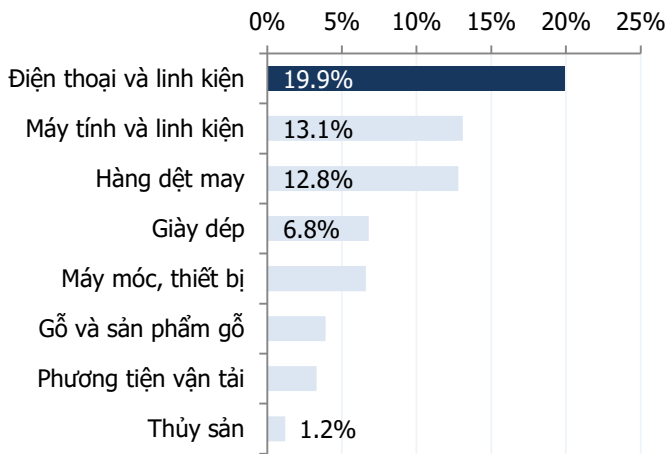
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 4. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (tỷ USD)



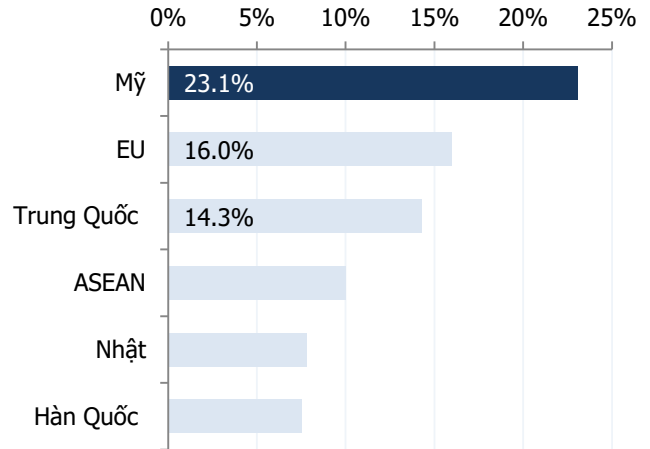
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 5. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu



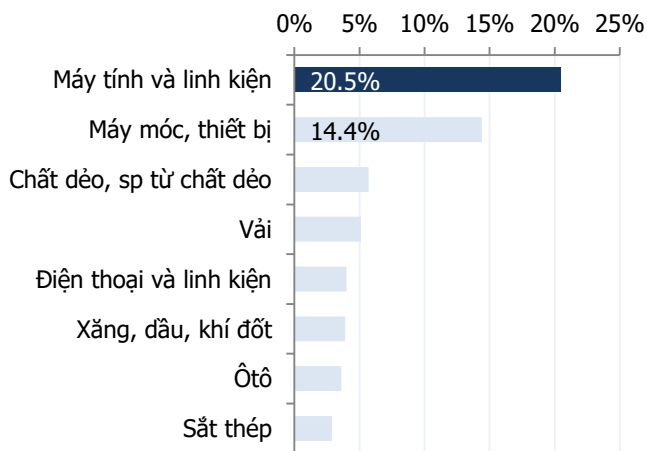
Nguồn: TCTK.

Hình 6. Các thị trường xuất khẩu chính



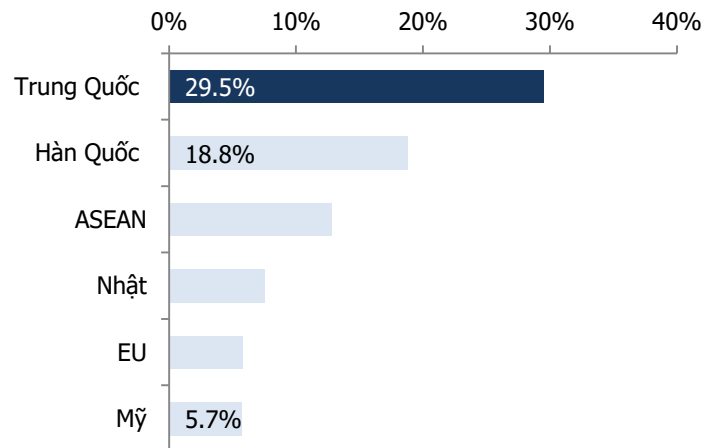
Nguồn: TCTK.

Hình 7. Tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu



Nguồn: TCTK.

Hình 8. Các nguồn nhập khẩu chính



Nguồn: TCTK.

Sản xuất công nghiệp

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng chính giúp chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 09 tháng tăng 9,56% so với cùng kỳ 2018

Chỉ số sản xuất công nghiệp trong 9 tháng tiếp tăng trưởng 9,56% so với cùng kỳ 2018, mức tăng cao nhất trong 4 năm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 11,4% yoy. Trong đó, các lĩnh vực có sự phát triển tích cực bao gồm: sản xuất bia (+11,3% so với cùng kỳ), sản xuất vải (+11,5%), sản xuất da giày (+8,9%), sản xuất hóa chất (+6,4%), sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh (+11,6%), sản xuất kim loại

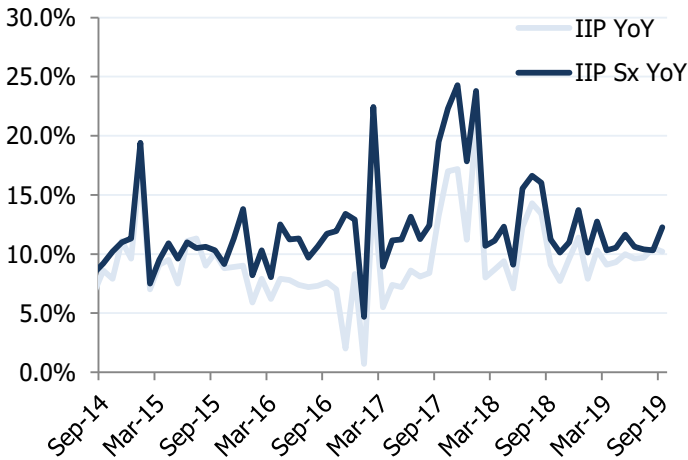
(+36,7%), chất dẻo (+15%), sản xuất thiết bị nâng hạ, bốc xếp (+25,6%), sản xuất đồ chơi (+361,3%) và sản xuất trang thiết bị y tế (+10%).

Các lĩnh vực làm giảm tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất công nghiệp trong tháng 9: khai thác dầu thô (-15,5% yoy), sản xuất thuốc (-14,5%), sản xuất xi măng (-3%), sản xuất xe máy (-11,4% yoy), sửa chữa máy móc thiết bị (-25,4%).

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong tháng 09 tiếp tục giảm xuống 50,5 điểm – mức thấp nhất kể từ tháng 02/2016 do nhu cầu thế giới suy giảm

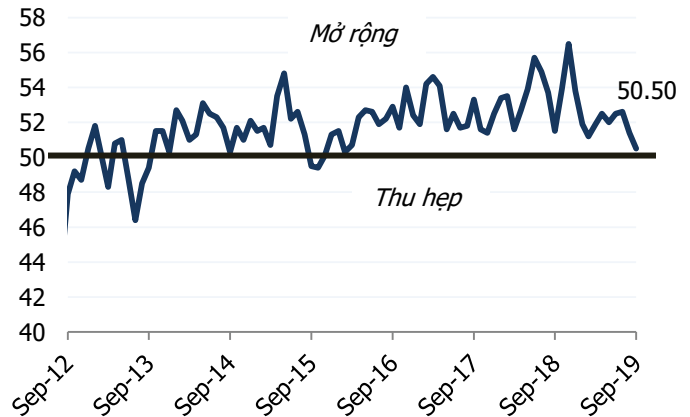
Theo IHS Markit, tăng trưởng đơn hàng xuất khẩu tiếp tục suy giảm trong tháng 09 do nhu cầu yếu, niềm tin của nhà sản xuất ở mức thấp nhất nhiều tháng. Chỉ số PMI sản xuất trong tháng 09 giảm xuống còn 50,5 điểm, từ mức 51,4 điểm trong tháng 08, mức thấp nhất kể từ tháng 02/2016. Nhu cầu quốc tế suy yếu là nguyên nhân giảm tốc trong tăng trưởng đơn hàng. Yêu cầu về sản lượng giảm khiến nhu cầu mua sắm nguyên vật liệu sản xuất cũng yếu đi. Giá nguyên vật liệu chỉ tăng nhẹ do nhà cung cấp chủ động giảm giá để tìm kiếm các hợp đồng mới. Trong tháng 09, doanh nghiệp đã trở nên quan ngại hơn về triển vọng kinh doanh và tình hình nhu cầu trên thị trường quốc tế khiến sản lượng sản xuất suy giảm.

Hình 9. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 09



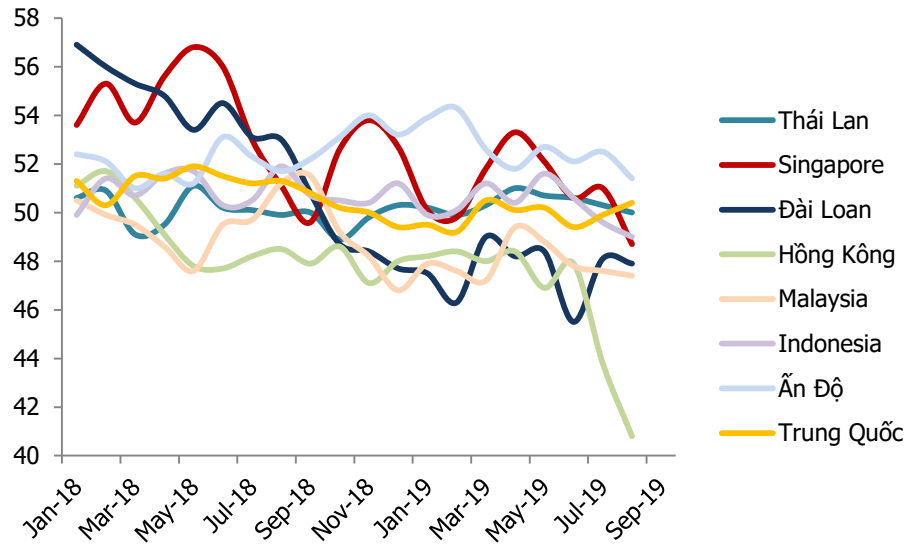
Nguồn: Nikkei – IHS Markit.

Hình 10. Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam



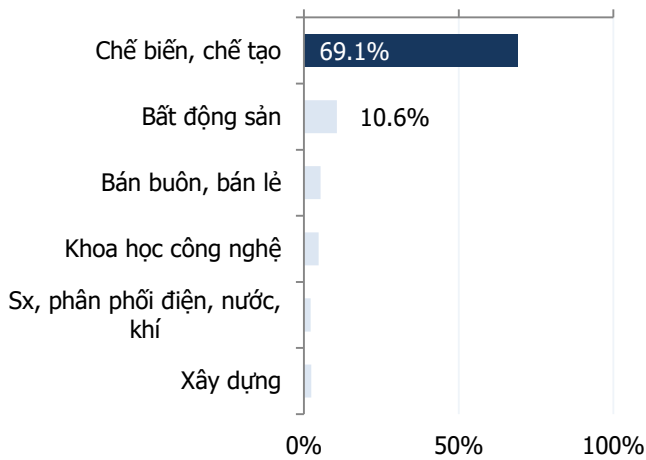
Nguồn: TCTK.

Hình 11. Chỉ số PMI của một số quốc gia trong khu vực



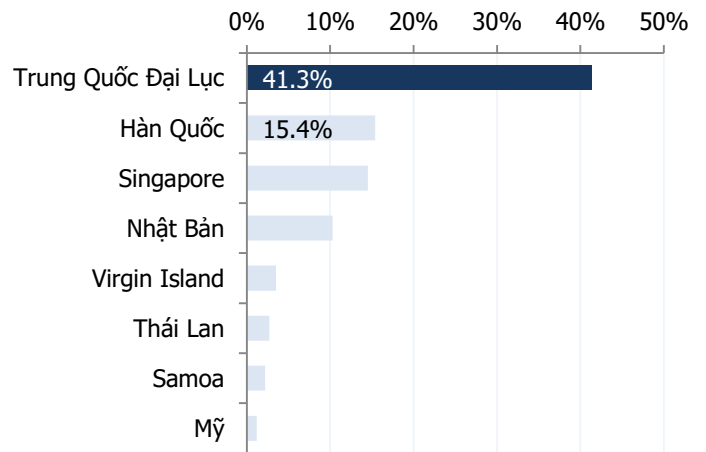
Nguồn: Bloomberg, IHS Markit.

Hình 12. Lĩnh vực thu hút dòng vốn FDI



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Hình 13. Cơ cấu nhà đầu tư theo quốc gia



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Đầu tư

Tổng vốn đăng ký 9T 2019 đạt 26,2 tỷ USD (+3,1% yoy), FDI giải ngân đạt 14,2 tỷ USD (+7,3% yoy)

Theo Bộ KH&ĐT, vốn FDI đăng ký ước tính đạt 26,16 tỷ USD (tính đến 20/09/2019). Cả nước có 2.759 dự án cấp mới, vốn FDI thực hiện trong 09 tháng đầu năm đạt 14,2 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ 2018.

Dòng vốn vào ngành công nghiệp sản xuất chế biến chế tạo đứng đầu với 18 tỷ USD, tương đương với 69% tổng số vốn FDI đăng ký. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với 2,77 tỷ USD vốn FDI, chiếm 10,6% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực bán buôn bán lẻ với 1,4 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm tỷ trọng 5,4%. Nhà đầu tư từ Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan dẫn đầu dòng vốn FDI trong 9T 2019 với tổng vốn đăng ký đạt 10 tỷ USD, chiếm 38,4%.

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ 09 tháng tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ, đạt 156,7 tỷ USD

Theo TCTK, doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ, đạt 156,7 tỷ USD. Dù triển vọng kinh tế thế giới kém tích cực, căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang, niềm tin người tiêu dùng Việt Nam vẫn duy trì tích cực khiến họ đẩy mạnh chi tiêu, thúc đẩy doanh thu bán lẻ hàng hóa 9T 2019 tăng 12,6% so với cùng kỳ 2018, đạt 119 tỷ USD.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, với tỷ trọng 12% tổng mức, tiếp tục mức tăng trưởng ổn định 9,6% yoy, đạt 18,73 tỷ USD. Doanh thu dịch vụ du lịch 8 tháng ước tính đạt 1,44 tỷ USD, tăng trưởng 12%.

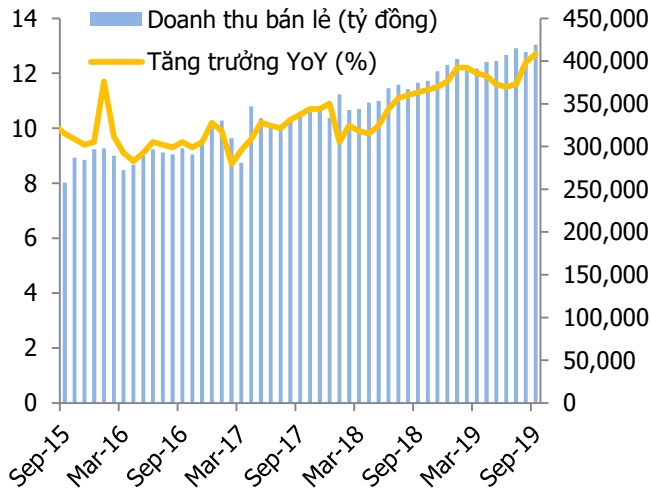
Chi tiêu của chính phủ

NSNN thặng dư 66.500 tỷ đồng trong 09 tháng 2019

9 tháng đầu năm, thặng dư NSNN đạt 66,5 nghìn tỷ đồng. Tổng thu ngân sách đạt 1.028,7 nghìn tỷ đồng, bằng 72,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa chiếm 80%, đạt 824,6 nghìn tỷ đồng. Trong thu nội địa, thu từ thuế công, thương nghiệp và dịch vụ từ lĩnh vực tư nhân đạt 161,7 nghìn tỷ đồng, là nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất (15,7% tổng thu nội địa). Tiếp đến là thu từ doanh nghiệp FDI (13,6% thu nội địa), thu từ DNNN đạt 110,9 nghìn tỷ đồng (chiếm 11%), thu thuế TNCN đạt 79,8 nghìn tỷ đồng (7,8%).

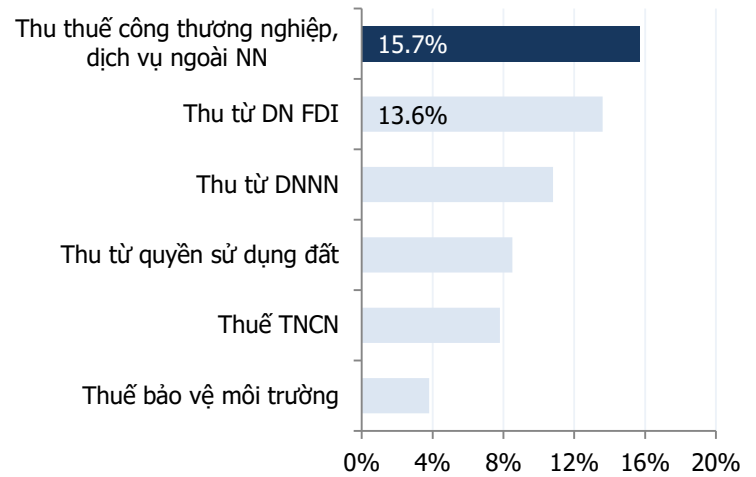
Tổng chi NSNN 9 tháng đầu năm ước tính đạt 962,2 nghìn tỷ đồng, bằng 58,9% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 691,9 nghìn tỷ đồng.

Hình 14. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ.



Nguồn: TCTK.

Hình 15. Cơ cấu nguồn thu nội địa.



Nguồn: TCTK.

Hình 16. Cân đối NSNN (tính đến ngày 15/09/2019)

Tỷ đồng	Dự toán 2019	H1/2019	9T 2019	% Kế hoạch năm
Tổng thu NSNN	1.411.300	660.600	1.028.700	72,9%
Thu nội địa	1.173.500	524.800	824.600	70,3%
Thu từ dầu thô	44.600	26.100	40.800	91,5%
Thu từ XNK	189.200	109.000	159.800	84,5%
Thu viện trợ	4.000			
Tổng chi NSNN	1.633.300	612.500	962.200	58,9%
Chi đầu tư phát triển	429.300	112.100	174.300	40,6%
Chi thường xuyên	999.466	441.100	691.900	69,2%
Chi trả nợ lãi	124.884	55.900	78.600	62,9%
Chi trả nợ gốc	196.799			0,0%
Cân đối NSNN	-222.000	48.100	66.500	
Tỷ lệ bội chi so với GDP	3,6%			
Tổng vay NSNN	425.252			

Nguồn: Bộ Tài Chính, TCTK.

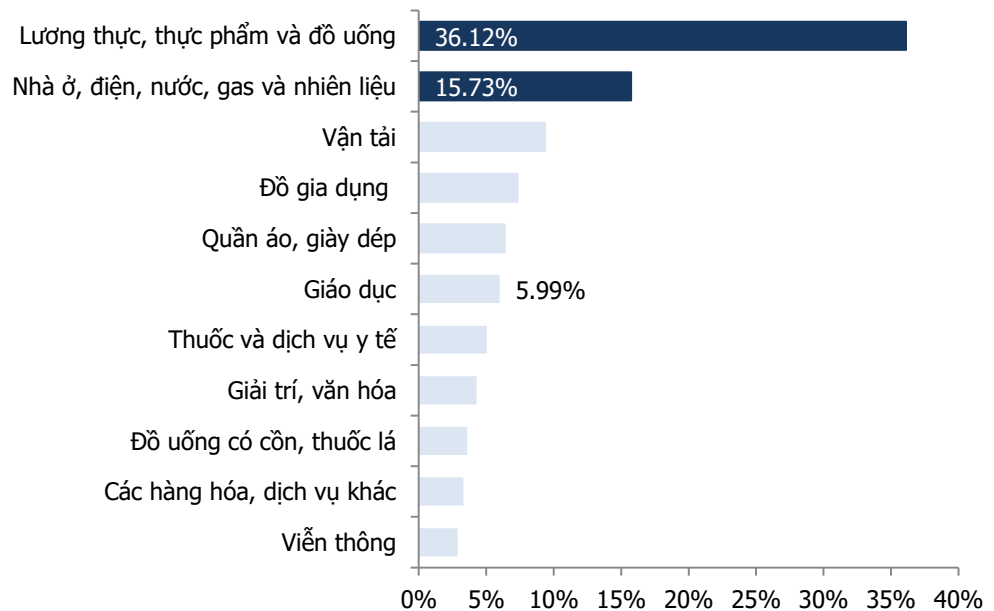
Chỉ báo vĩ mô

CPI tháng 09 tăng 0,32% so với tháng trước do dịch vụ giáo dục điều chỉnh tăng 3,53% khi năm học mới bắt đầu

Lạm phát tháng 09 tăng 2,5% so với cùng kỳ do các yếu tố sau: 1) Giá điện tăng 7,69% 9T 2019 do Quyết định số 648/QĐ-BCT của Bộ Công Thương điều chỉnh giá bán lẻ điện và do đợt nắng nóng kéo dài mùa hè năm nay khiến hoá đơn tiền điện tăng cao; 2) Giá thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,36% yoy do Bộ Y Tế công bố Thông tư 13/2019/TT-BYT và Thông tư 14/2019/TT-BYT điều chỉnh phí khám và giường bệnh tăng trung bình 4,4%; 3) dịch vụ giáo dục tăng 6,73% khi một số địa phương điều chỉnh tăng học phí năm học 2019-2020; 4) Giá thịt lợn tăng 8,04% do dịch tả lợn châu Phi bùng phát khiến giá lương thực thực phẩm tăng 4,21%, trong khi nhóm này chiếm tới 1/3 tỷ trọng CPI.

Các nhóm ngành góp phần làm giảm chỉ số CPI: chỉ số giá xăng dầu (-3,46% yoy), khí đốt (-5,97%). Lạm phát cơ bản 9T 2019 tăng 1,91% so với cùng kỳ.

Hình 17. Tỷ trọng các nhóm ngành (% CPI)



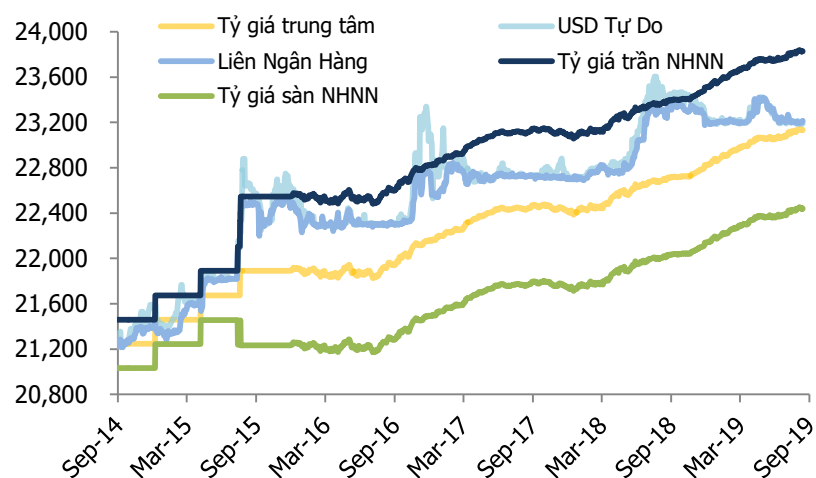
Tỷ giá VND trên thị trường ngoại hối ổn định quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD dù thị trường quốc tế biến động mạnh

Đức công bố số liệu PMI ở mức 41.4, mức thấp nhất kể từ năm 2009, lĩnh vực sản xuất công nghiệp của nền kinh tế đứng đầu châu Âu tiếp tục suy yếu kể từ đầu năm 2019. Nhiều nhà kinh tế cho rằng Đức đã rơi vào suy thoái khi GDP quý 2 giảm 0,1% so với quý trước. Đồng Euro giảm xuống mức thấp nhất 29 tháng, giao dịch ở mức 1.09 EUR/USD. Mỹ và Nhật Bản ký kết thoả thuận thương mại vào ngày 25/09 trước khi vòng đàm phán giữa Mỹ và Trung Quốc diễn ra vào tuần thứ 2 của tháng 10 tại Washington D.C. Nhật đồng ý gỡ bỏ hoặc đưa ra mức thuế ưu đãi cho 90% thực phẩm và nông sản đến từ Mỹ, trong khi tổng thống Trump hứa sẽ không áp mức thuế "an ninh quốc gia" 25% lên ô tô nhập khẩu từ Nhật. Sau thoả thuận, chỉ số

DXY tăng lên mốc 99,38, cao nhất trong 29 tháng, như vậy đồng USD đã tăng 3,1% kể từ đầu năm. Đồng NDT tăng nhẹ 0,11% giao dịch ở mức 7,15 CNY/USD, trước khi Trung Quốc nghỉ lễ Quốc Khánh.

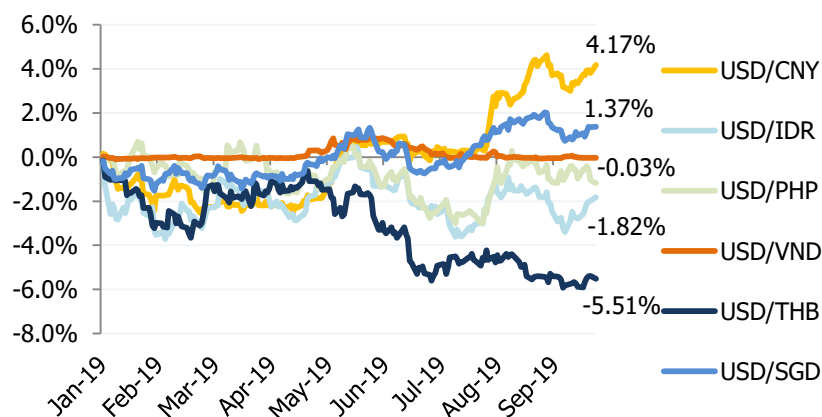
Thị trường ngoại hối trong nước khá ổn định, tỷ giá VND/USD liên ngân hàng chốt phiên 30/09 chỉ tăng nhẹ 06 đồng so với thời điểm cuối tháng 08, giao dịch tại mức 23.203 đồng/USD. Trên thị trường tự do, VND giao dịch ở mức 23.193 đồng/USD, giảm 22 đồng (+0,05%) so với tỷ giá ngày 31/08. Tỷ giá trung tâm của NHNN tăng 28 đồng lên mức 23.161 đồng/USD. Diễn biến một số đồng tiền trong khu vực so với đồng USD: từ đầu năm đến nay, đồng Baht Thái tăng 5,51%, Rupee Indonesia tăng 1,83%, PHP tăng 1,18%, SGD giảm 1,37%, NDT giảm 4,17% và VND giảm 0,03%.

Hình 18. Tỷ giá USD/VND



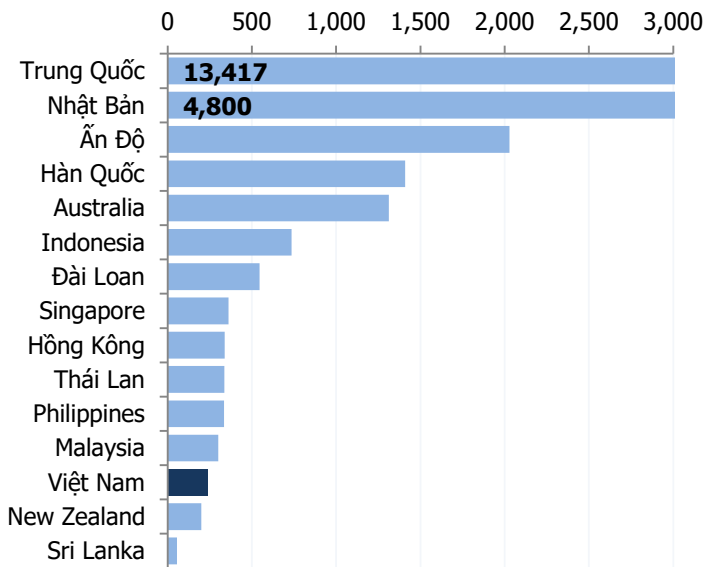
Nguồn: Bloomberg.

Hình 19. Biến động tỷ giá một số đồng tiền các quốc gia so với USD

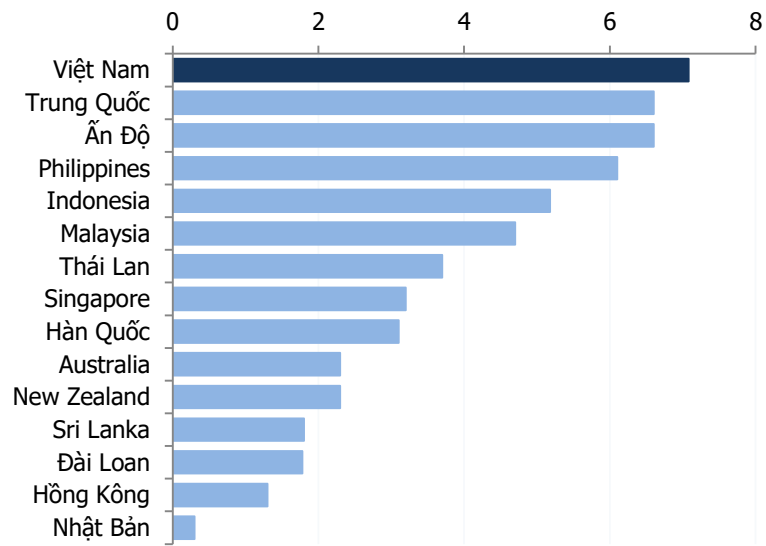


Nguồn: Bloomberg.

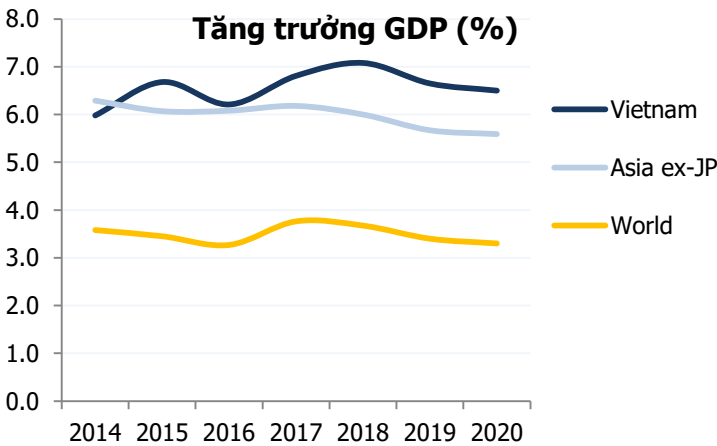
GDP (tỷ USD)



Tăng trưởng GDP 2018 (%)

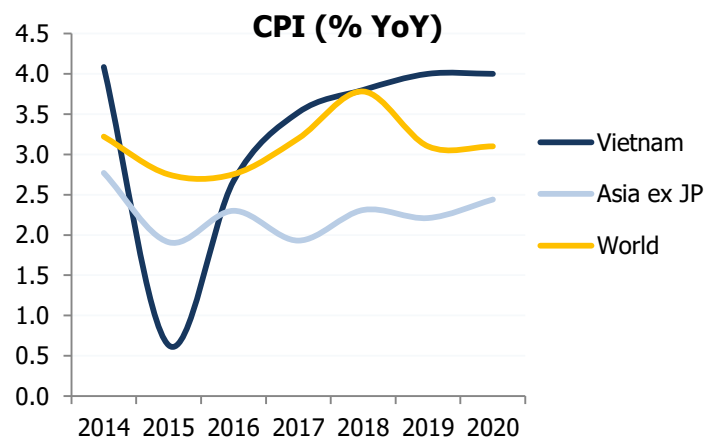


Nguồn: Bloomberg, MBS.

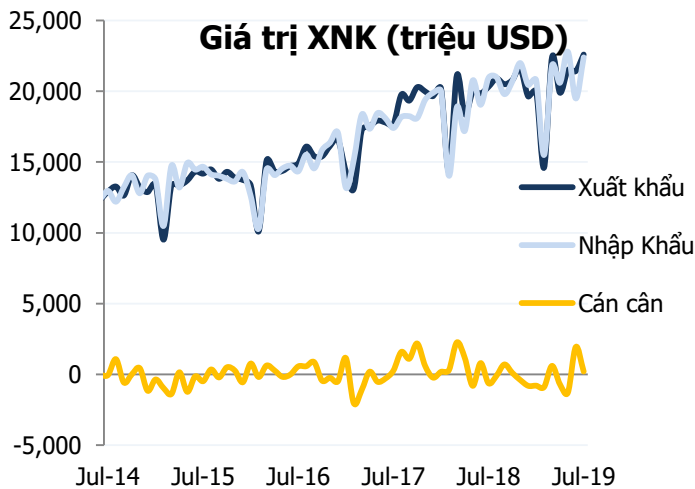


Nguồn: Bloomberg, MBS.

Nguồn: Bloomberg, MBS.



Nguồn: Bloomberg, MBS.



Hình 20. Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2014	2015	2016	2017	2018	2019F	2020F
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	185,8	191,3	201,3	220,4	241,4	257,6	274,3
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,0	6,7	6,2	6,8	7,1	6,7	6,5
Tiêu dùng lĩnh vực tư nhân (% yoy)	6,1	9,3	7,3	7,4	5,9	5,5	5,4
Tiêu thụ của chính phủ (% yoy)	7	7	7,5	7,3	6,6	6,5	6,5
Xuất khẩu hàng hóa dịch vụ	11,6	12,6	13,9	8,8	8,2	7,1	6,4
Nhập khẩu hàng hóa dịch vụ	12,8	18,1	15,3	10,9	6,9	6,9	6,7
Dân số (triệu người)	92,5	93,6	94,6	95,5	96,5	97,4	98,4
GDP/đầu người (USD theo PPP)	5.675	6.053	6.430	6.928	7.482	8.060	8.665
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,1	2,33	2,33	2,2	2	2	2
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	46,4	49,2	52,6	51,8	52,1	52,2	52,2
Nợ công	58	61	63,6	62,6	61,4	61,3	60,8
Nợ nước ngoài	38,3	42	44,8	48,9	49,7	49,9	49,9
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	21.373	22.485	22.740	22.690	23.180	23.440	23.300
Lạm phát (%)	4,1	0,6	2,7	3,5	3,5	4	4
Tăng trưởng tín dụng	14,2	17,1	18,7	18,2	13,9	14,6	14,2
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,8	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	12.126	7.396	14.013	11.427	16.539	8.267	7.302
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	150.217	162.112	176.632	214.628	243.697	253.483	261.021
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	138.091	154.716	162.619	203.201	227.157	245.216	253.719
Cán cân vãng lai (triệu USD)	9.359	906	8.235	5.207	5.899	2.998	1.403
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	34.575	28.616	36.906	49.497	54.491	59.938	60.310

Nguồn: IMF, IMF Financial Statistics, EIU, Bloomberg, NFSC, MBS tổng hợp.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỢI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.